

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÂY CHÀM MÈO (*STROBILANTHES FLACCIDIFOLIUS*NEES) ĐỂ CHỮA BỆNH CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC VÙNG NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

Phó Thị Thúy Hằng*, Nguyễn Thu Giang
 Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Cây Chàm mềo (*Strobilanthes flaccidifolius* Nees) được dùng chữa các bệnh cấp tính như: Sốt cao, chảy máu cam, chốc lở, viêm amidan, viêm đường hô hấp... Năm 2014, cây Chàm mềo được phát hiện có chứa hợp chất indirubin - 3' - oxim có tác dụng tích cực trong điều trị bệnh ung thư máu và nhiều loại ung thư khác. Cây Chàm mềo mọc nhiều ở miền núi phía Bắc Việt Nam và được đồng bào dân tộc nơi đây dùng để chữa bệnh. Chúng tôi tiến hành điều tra tình hình sử dụng cây Chàm mềo để chữa bệnh của các dân tộc thuộc 04 huyện của 04 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam là: Huyện Bảo Lạc - tỉnh Cao Bằng, Hoàng Su Phì - Hà Giang, Nậm Pồ - Điện Biên và huyện Võ Nhai - Thái Nguyên). Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tại Nậm Pồ - Điện Biên, tỉ lệ người dân biết sử dụng Chàm mềo để chữa bệnh là cao nhất (46%), thấp nhất ở Võ Nhai - Thái Nguyên (28%). Đa số người dân chỉ biết 01 bài thuốc quen thuộc có vị Chàm mềo. Trong các nhóm dân tộc biết dùng các bài thuốc có vị Chàm mềo để chữa bệnh thì đồng bào dân tộc Mông sử dụng phổ biến nhất (chiếm tỉ lệ 54,72%). Chúng tôi đã tiến hành thu thập được 19 bài thuốc có vị Chàm mềo được đồng bào các dân tộc sử dụng để chữa 09 nhóm bệnh. Đồng bào các dân tộc có cách chế biến, cách dùng cây Chàm mềo rất phong phú, đa dạng. Trong đó, điều chế thành cao hoặc bột để sử dụng lâu dài và dùng bôi trực tiếp hoặc hòa uống là cách được sử dụng rộng rãi nhất.

Từ khóa: cây Chàm mềo, Chàm nhuộm, Chàm lá to, hợp chất indirubin-3'-oxim, ung thư máu

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây Chàm mềo có tên khoa học là *Strobilanthes flaccidifolius* Nees, họ ô rô - *acanthaceae* [5], tên thông thường là Chàm nhuộm, Chàm lá to, Phẩm rô. Theo tiếng dân tộc Tày gọi là Mạ ốt, dân tộc Thái gọi là Co Som, dân tộc Dao gọi là Tần Găm.

Cây Chàm mềo mọc hoang ở các thung lũng ẩm ướt, các núi đá và được trồng lấy cành lá để nhuộm quần áo màu xanh chàm. Ở hầu hết các tỉnh vùng cao ở miền Bắc như: Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên,... đều có trồng Chàm mềo trong các vườn gia đình hay trên nương rẫy gần nguồn nước, ở miền Nam cũng có trồng ở Bình Định [1].

Chàm mềo là loại cây sống lưu niên, cao từ 40 – 80 cm, thân nhẵn, phân nhiều cành, có các mấu phình to lên. Lá mọc đối, phiến lá hình bầu dục thon dài từ 10 – 12 cm, mép khía răng. Hoa Chàm mềo mọc thành bông màu lam tím, phía trên loe ra chia 5 thùy, quả dạng nang dài [2].



Bộ phận dùng làm thuốc là lá, thân và rễ. Lá Chàm mềo gọi là Mã lam, bột Chàm mềo (Thanh đại), Rễ Chàm mềo (bản lam căn). Theo đông y, Chàm mềo và Thanh đại có vị đắng nhạt, tính hàn, có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban mẩn, sưng viêm và cầm máu. Chàm mềo dùng chữa các bệnh cấp tính như sốt cao, nhức đầu, miệng khát, phát ban, chảy máu cam, ly, mụn nhọt độc, viêm họng, nhiễm khuẩn huyết, viêm amidan, viêm đường hô hấp. Nghiên cứu gần đây cho thấy thanh đại (lá Chàm mềo được chế biến khô) có tác dụng tốt trong việc chữa trị ung thư bạch cầu do có chứa indirubin. Rễ Chàm mềo (bản lam căn) còn dùng chữa viêm não truyền nhiễm, viêm não B, thương hàn, quai bị [4].

* Email: phohang2011@gmail.com

Lá Chàm mềo chứa 0,4-1% indican. Khi thủy phân, indican cho indoxyl và glucose. Khi bị oxy hoá, indoxyl cho indigotin (là thành phần tạo màu khi nhuộm vải vì có màu xanh lam sẫm) và indirubin. Năm 2014, tác giả Nguyễn Mạnh Cường [3] cùng các cộng sự thuộc Viện Hóa học Các hợp chất thiên nhiên – Viện hàn lâm KH&CN Việt Nam đã công bố tìm ra quy trình tổng hợp và tinh chế hợp chất *indirubin* – 3' – *oxim* từ cây Chàm mềo. Hợp chất này có tác dụng đặc trị đối với bệnh **ung thư bạch cầu** dòng tủy và lympho. Tác giả đã thành công trong việc sản xuất ra sản phẩm vindoxim, một dược phẩm quý có tác dụng gây ra sự tự chết của 11 dòng tế bào ung thư như ung thư bạch cầu dòng tủy và lympho, ung thư phổi, ung thư gan, ung thư dạ dày, u xơ tử cung, u xơ tuyến vú, u xơ tiền liệt tuyến... ức chế ung thư di căn giúp kéo dài tuổi thọ và không gây tác dụng phụ. Viện Dược liệu đã bào chế viên Thanh đại từ cao khô lá Chàm mềo để chữa cho phụ nữ bị rong kinh.

Các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta với địa hình nhiều núi cao nên việc đi lại, đưa bệnh nhân đến các trạm y tế xã hay các trung tâm y tế huyện, tỉnh rất khó khăn. Bằng những kinh nghiệm đã được tích lũy, đồng bào các dân tộc nơi đây đã tự chữa bệnh cho bản thân và những người xung quanh bằng các cây cỏ quen thuộc trong đó có cây Chàm mềo. Có rất nhiều bài thuốc sử dụng cây Chàm mềo có giá trị và hiệu quả cao nhưng mới chỉ được dùng ở một phạm vi nhỏ hẹp. Do đó, việc thu thập các bài thuốc chữa bệnh có vị Chàm mềo cần được quan tâm và phổ biến rộng rãi. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành đề tài nhằm nghiên cứu thực tiễn việc sử dụng cây Chàm mềo để chữa bệnh và thu thập các bài thuốc có vị Chàm mềo làm cơ sở cho các nghiên cứu khoa học tiếp theo về thành phần hóa học, tác dụng dược lý...

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Địa điểm nghiên cứu: 04 huyện thuộc 04 tỉnh miền núi phía Bắc là: Huyện Bảo Lạc - tỉnh Cao Bằng (BL-CB), huyện Hoàng Su Phì - tỉnh Hà Giang (HSP-HG), huyện Nậm Pồ -

tỉnh Điện Biên (NP-ĐB) và huyện Võ Nhai-Thái Nguyên (VN-TN).

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 1/2017 đến tháng 9/2017

Đối tượng nghiên cứu: Các bài thuốc có sử dụng cây Chàm mềo của đồng bào các dân tộc thuộc 04 huyện của 04 tỉnh miền núi phía Bắc.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Nghiên cứu các tài liệu về đặc điểm hình thái, tác dụng dược lý, tình hình nghiên cứu về cây Chàm mềo...

Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp các thầy lang (ông Lang, bà Mế -theo tiếng Mường hay Dờ Cừ Chùa - theo tiếng dân tộc Mông) và những người dân tộc tại địa điểm nghiên cứu.

Phương pháp thu mẫu và phân loại mẫu: Tiến hành thu mẫu và phân loại thực vật theo tác giả Hoàng Thị Sản (2000) [5].

Các bước tiến hành nghiên cứu:

Bước 1: Phỏng vấn ngẫu nhiên 100 người dân tại mỗi địa điểm nghiên cứu về các vấn đề: Thành phần dân tộc, biết sử dụng cây Chàm mềo chữa bệnh hay không, biết mấy bài thuốc có vị Chàm mềo, cách dùng các bài thuốc đó, những lưu ý khi dùng thuốc...

Bước 2: Dựa trên các bài thuốc thu thập được của đồng bào các dân tộc, chúng tôi tiến hành xác định tên thực vật của từng loài theo tiếng phổ thông.

Bước 3: Sắp xếp các bài thuốc đó theo nhóm bệnh, phân loại cách chế biến và cách dùng các bài thuốc.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tỉ lệ người dân biết sử dụng cây Chàm mềo để chữa bệnh ở miền núi phía Bắc Việt Nam

Mỗi địa điểm (ĐĐ) nghiên cứu chúng tôi tiến hành phỏng vấn 100 người dân tộc thiểu số về việc sử dụng cây Chàm mềo để chữa bệnh. Chúng tôi theo dõi các chỉ tiêu sau: Tỉ lệ người biết sử dụng cây Chàm mềo để chữa bệnh, tỉ lệ người chỉ biết sử dụng 01 bài thuốc có vị Chàm mềo, tỉ lệ người biết từ 02 bài thuốc trở lên. Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ người dân tộc biết sử dụng cây Chàm mèo để chữa bệnh.

Địa điểm	Chỉ tiêu	Biết sử dụng (%)	Chỉ biết 01 bài thuốc (%)	Biết từ 02 bài thuốc trở lên (%)
VN-TN		28	71,43	28,57
NP-ĐB		46	69,57	30,43
HSP- HG		34	64,71	35,29
BL-CB		38	68,42	31,58
Cả 4 ĐĐ		36,5	68,49	31,51

Bảng 2. Tỷ lệ người dân thuộc mỗi nhóm dân tộc biết sử dụng các bài thuốc có vị Chàm mèo

Dân tộc	Chỉ tiêu	BSD (số người)	Tỷ lệ (%)	KBSD (số người)	Tỷ lệ (%)
Mông		29	54,72	24	45,28
Thái		4	44,44	5	55,56
Dao		13	40,61	19	59,39
Nùng		11	27,5	29	72,5
Tày		9	25	27	75
DT khác		6	20	24	80

Qua bảng 1 ta thấy, tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết sử dụng cây Chàm mèo để chữa bệnh khá cao (36,5%). Trong đó, tại Nậm Pồ - Điện Biên tỷ lệ người dân biết sử dụng Chàm mèo để chữa bệnh là cao nhất (46%), thấp nhất ở Võ Nai - Thái Nguyên (28%). Đa số người dân chỉ biết 01 bài thuốc quen thuộc có vị Chàm mèo (chiếm tỷ lệ 68,49% số người sử dụng Chàm mèo để chữa bệnh), số người biết từ 02 bài thuốc có vị Chàm mèo trở lên không nhiều (chiếm 31,51%), đa số tập trung vào những người làm nghề bốc thuốc nam tại địa phương.

Thành phần dân tộc biết sử dụng cây Chàm mèo để chữa bệnh ở miền núi phía Bắc Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành điều tra thành phần dân tộc của 100 người tham gia phỏng vấn ở mỗi địa điểm nghiên cứu. Kết quả điều tra bước đầu cho thấy, dân cư tại 04 địa điểm mà chúng tôi nghiên cứu chủ yếu thuộc các dân tộc Mông, Thái, Dao, Nùng, Tày, một số ít thuộc các dân tộc khác như: Mường, Sán Dìu, Cao Lan, Lô Lô...

Dựa trên kết quả thống kê về thành phần dân tộc của những người được phỏng vấn. Chúng tôi tiến hành thống kê số lượng và tỷ lệ người thuộc mỗi nhóm dân tộc biết sử dụng cây Chàm mèo để chữa bệnh, nhằm xác định nhóm dân tộc có tỷ lệ người dân biết sử dụng

BSD: biết sử dụng, KBSD: không biết sử dụng các bài thuốc có vị Chàm mèo nhiều nhất. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy, tại 04 địa điểm nghiên cứu, các bài thuốc có vị Chàm mèo được đồng bào dân tộc Mông sử dụng tương đối phổ biến (có 29 người biết dùng trên tổng số 53 người Mông được phỏng vấn, chiếm tỷ lệ 54,72%). Tỷ lệ người dân tộc Thái, Dao biết sử dụng cũng tương đối cao (44,44%; 40,61%). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với kết quả điều tra cho thấy huyện Nậm Pồ - Điện Biên có tỷ lệ người dân biết sử dụng Chàm mèo để chữa bệnh là cao nhất (46%), đây là huyện có thành phần dân tộc chủ yếu là Mông (69,18%), Thái (18,5%), Dao (4,15%) [7].

Nhóm bệnh được đồng bào dân tộc dùng cây Chàm mèo để chữa trị

Chúng tôi đã tiến hành điều tra và thu thập các bài thuốc có vị Chàm mèo được đồng bào các dân tộc sử dụng. Các bài thuốc thu thập được chủ yếu dùng để chữa các bệnh thuộc 09 nhóm sau: Bệnh u bướu, nhóm bệnh về thần kinh, nhóm bệnh hô hấp, bệnh về đường tiêu hóa, đường sinh dục, bệnh viêm nhiễm, bệnh do chấn thương ngoại khoa, do động vật cắn, và nhóm thuốc bổ. Trong đó, nhóm bệnh do viêm nhiễm có số lượng bài thuốc lớn nhất (06 bài thuốc) dùng để chữa các bệnh như: Viêm lợi, viêm amydan, đau răng, lở loét mồm, chốc chàm, viêm não B, viêm gan...

Bảng 3. Các nhóm bệnh và bệnh được đồng bào các dân tộc dùng cây Chàm mèo để chữa trị

STT	Nhóm bệnh	Tên bệnh	SL bài thuốc
1	Nhóm bệnh u bướu	Ung thư bạch cầu	01
2	Nhóm bệnh về thần kinh	Trẻ em kinh sợ, sốt cao co giật hôn mê,	02
3	Nhóm bệnh về đường hô hấp	Sốt, sốt rét, cảm mạo	03
4	Nhóm bệnh về đường tiêu hóa	Ngộ độc	01
5	Nhóm bệnh về đường sinh dục	Rong kinh (rong huyết), phá thai	02
6	Nhóm bệnh do viêm nhiễm	Viêm lợi, viêm amydan, đau răng	06
7	Nhóm bệnh do chấn thương ngoại khoa	Cầm máu vết thương, chảy máu cam	02
8	Nhóm bệnh do động vật cắn	Sâu bọ cắn, rắn độc cắn	01
9	Nhóm thuốc bổ	Thanh nhiệt giải độc	01

Một số bài thuốc được đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc Việt Nam sử dụng

Chúng tôi đã thu thập được 19 bài thuốc có vị Chàm mèo được đồng bào các dân tộc tại 04 địa điểm nghiên cứu dùng để chữa bệnh. Trong đó, có nhiều bài thuốc có giá trị cao như: Chữa ung thư máu, chữa viêm não B, chữa viêm gan...

(Lưu ý: Theo kinh nghiệm của người dân và các ông lang, bà mẹ, đối với các bài thuốc có vị Chàm mèo dùng theo đường uống, kiêng ăn rau muống, đậu xanh trong giai đoạn dùng thuốc, chống chỉ định với phụ nữ có thai (nếu không có mục đích phá thai), người suy gan thận nặng).

Bài 1. Hỗ trợ điều trị và phòng ung thư, nhất là ung thư máu: Lấy 30 g thân lá Chàm mèo khô đun sôi với 02 lít nước khoảng 15 phút, chắt nước uống hàng ngày.

Bài 2. Chữa trẻ em kinh sợ: Lấy 4-6 g cao lá Chàm mèo trộn thêm đường rồi uống mỗi ngày.

Bài 3. Chữa trẻ em sốt cao co giật, hôn mê: Bột Chàm mèo (Thanh đại) hoà với nước cho uống, mỗi ngày 2-8 g chia làm nhiều lần.

Bài 4. Chữa sốt rét: Lá Chàm mèo giã nát, cho thêm chút rượu rồi bóp vào cổ tay trái và cổ chân phải.

Bài 5. Chữa cảm mạo: Lấy cao lá Chàm mèo hoặc bột Thanh đại hòa với nước uống đến khi khỏi.

Bài 6. Hạ sốt: Giã nát lá Chàm mèo, cho thêm chút muối rồi bọc vào gan hai bàn chân.

Bài 7. Chữa ngộ độc do uống thuốc quá liều: Lá Chàm mèo giã nhỏ thêm nước nguội, vắt lấy nước cốt uống vài bát.

Bài 8. Phá thai (giai đoạn sớm): Đun nước lá Chàm mèo tươi rồi uống.

Bài 9. Chữa bệnh phụ nữ rong kinh, rong huyết: Dùng 1-4 g bột Thanh đại hòa với nước, uống trong 10 ngày (trước ngày kinh 5 ngày, sau ngày kinh 5 ngày) mỗi tháng. Uống liên tiếp 2, 3 tháng.

Bài 10. Chữa chàm chốc, lở loét ngoài da: Dùng cao đặc cây Chàm mèo bôi trực tiếp vào vết chốc lở.

Bài 11. Chữa viêm lợi, lở loét mồm miệng, trẻ em cam răng, thối loét chân răng: Dùng bột Chàm mèo (Thanh đại) bôi khắp chân răng, lợi, mỗi giờ bôi một lần.

Bài 12. Chữa chảy máu cam: Bột Chàm mèo kết hợp bột hóng sao với lượng bằng nhau, uống mỗi lần 4 g.

Bài 13. Chữa viêm amidan, sưng hạch ở cổ: Lá Chàm mèo khô 15 g, bồ công anh 15 g, huyền sâm 12 g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần.

Bài 14. Cầm máu vết thương: lá Chàm mèo và củ gừng gió giã nát, đắp vào vết thương băng giữ lại.

Bài 15. Chữa viêm não B: Lá Chàm mèo khô 15 g (tươi 30 g) kim ngân hoa 30 g, thạch cao sống 20 g. Sắc uống ngày một thang, chia 2-3 lần.

Bài 16. Chữa viêm gan truyền nhiễm thể hoàng đản cấp tính: Rễ Chàm mèo 50 g, sa tiền 20 g, chỉ xác 20 g, nhân trần 50 g, hoàng cầm 25 g, mộc hương 15 g, mang tiêu (hòa sống) 15 g. Sắc uống ngày 1 thang, liên tục 15-30 thang.

Bài 17. Chữa quai bị: Rễ Chàm mèo 18 g, xích tiêu đậu 15 g, thanh bì 6 g, kim ngân hoa 6 g, cam thảo 3 g. Sắc uống ngày một thang chia 2 lần, dùng 2-4 thang.

Bài 18. Chữa rắn độc và sâu bọ cắn: Dùng cao đặc cây Chàm mèo bôi trực tiếp vào vết cắn.

Bài 19. Thanh nhiệt giải độc, mát gan: Lấy thân lá Chàm mèo khô đun nước uống hàng ngày.

Sự đa dạng trong cách chế biến, sử dụng Chàm mèo làm thuốc của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc Việt Nam

Qua điều tra cho thấy, đồng bào các dân tộc thường dùng 03 cách sau để chế biến Chàm mèo thành thuốc chữa bệnh: *Cách 1:* Dùng tươi, *cách 2:* Dùng khô, *cách 3:* Điều chế thành cao Chàm mèo hoặc bột Thanh đạm. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đồng bào các dân tộc không chỉ có cách chế biến cây Chàm mèo rất phong phú, đa dạng mà còn đa dạng về bộ phận được sử dụng: Lá, thân, rễ..., phong phú về cách dùng như: Lá tươi giã đắp, đun tươi uống, phơi khô nấu nước, tán bột hòa nước uống, cô cao để bôi... Trong đó, điều chế thành cao hoặc bột để sử dụng lâu dài và dùng bôi trực tiếp hoặc hòa uống là

cách được sử dụng rộng rãi nhất (chiếm 42,12% số bài thuốc được sử dụng).

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

1. Đồng bào các dân tộc tại các địa điểm nghiên cứu đều biết sử dụng cây Chàm mèo để chữa bệnh, tuy nhiên ở các mức độ khác nhau. Đồng bào dân tộc tại Nậm Pồ - Điện Biên biết sử dụng Chàm mèo để chữa bệnh nhiều nhất (46%).

2. Đa số người dân chỉ biết 01 bài thuốc quen thuộc có vị Chàm mèo. Trong các nhóm dân tộc biết dùng Chàm mèo để chữa bệnh thì đồng bào dân tộc Mông sử dụng phổ biến nhất (chiếm tỉ lệ 54,72%).

3. Chúng tôi đã thu thập được 19 bài thuốc có vị Chàm mèo được đồng bào các dân tộc sử dụng để chữa 09 nhóm bệnh.

4. Đồng bào các dân tộc có cách chế biến, cách dùng cây Chàm mèo rất phong phú, đa dạng. Trong đó, điều chế thành cao hoặc bột để sử dụng lâu dài và dùng bôi trực tiếp hoặc hòa uống là cách được sử dụng rộng rãi nhất.

Bảng 4. Cách chế biến và sử dụng Chàm mèo để chữa bệnh của đồng bào các dân tộc

	SL Bài thuốc	Tỉ lệ (%)	Bộ phận sử dụng	Cách chế biến	Cách dùng
Dùng tươi	05	26,32	Lá	Lá tươi rửa sạch để nguyên lá hoặc giã nát, có thể thêm chút muối hoặc rượu tùy bài thuốc.	Đắp hoặc vắt nước cốt uống hoặc đun nước uống
Dùng khô	06	31,58	Thân, lá, rễ	Thân lá hoặc rễ rửa sạch, băm nhỏ, phơi khô.	Đun, hãm nước uống như trà hoặc sắc uống với các dược liệu khác
Điều chế thành cao Chàm mèo hoặc bột Thanh đạm	08	42,12	Lá	- Điều chế cao Chàm mèo: Lá tươi ngâm nước ở 30°C trong 12 giờ cho lên men, lọc men, kiềm hóa bằng vôi và khuấy liên tục 4-5 giờ. Lọc gạn lấy bột chàm, ép kiệt nước, thái thành miếng, phơi trong mát tới khô. - Điều chế bột Thanh đạm: Ngâm lá Chàm mèo vào vại nước cho đến khi nấu nát, vớt bỏ bã lá, kiềm hóa bằng một ít vôi cục, quấy đều, vớt lấy bột chàm nổi lên trên mặt, phơi khô trong bóng râm, nghiền nhỏ để dùng. Bột Chàm mèo tốt phải chứa 60-70% indigotin.	Lấy cao Chàm mèo hòa nước uống (có thể cho thêm chút đường) hoặc bôi trực tiếp. Lấy bột Thanh đạm hòa nước uống hoặc bôi trực tiếp hoặc kết hợp các dược liệu khác

Đề nghị

1. Tiếp tục nghiên cứu về thành phần hóa học, tác dụng dược lý... làm sáng tỏ cơ sở khoa học của các bài thuốc có vị Chàm mèo.
2. Thu thập thêm nhiều bài thuốc có vị Chàm mèo được đồng bào dân tộc tại những địa phương khác sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Huy Bích và Cs (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

2. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam* (Bộ mới), tập I, Nxb Y học, Hà Nội.
3. Nguyễn Mạnh Cường và CS (2014), “Quy trình tổng hợp và tinh chế hợp chất indirubin – 3’ – oxim từ cây Chàm mèo”, *Tạp chí Khám phá điện tử thuộc Sở Khoa học công nghệ TP HCM*.
4. Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
5. Hoàng Thị Sản (2000), *Phân loại thực vật*, Nxb Giáo dục.
6. Trang thông tin điện tử huyện Nậm Pồ-tỉnh Điện Biên. <http://huyennampo.gov.vn/>

SUMMARY

STUATION OF USING *STROBILANTHES FLACCIDIFOLIUS*NEES TO TREAT DESEASES OF THE ETHNIC MINORITIES IN THE MOUNTAINOUS NORTH OF VIETNAM

Pho Thi Thuy Hang^{*}, Nguyen Thu Giang
TNU - University of Medicine and Pharmacy

Strobilanthes flaccidifolius Nees is used to treat acute illnesses such as high fever, nosebleeds, impetigo, tonsillitis, respiratory infections, etc. In 2014, *Strobilanthes flaccidifolius* Nees was found to contain indirubin-3'-Oxim has positive effects in the treatment of blood cancer and many other cancers. *Strobilanthes flaccidifolius* Nees grow in mountainous northern Vietnam and are used by ethnic minorities for medical treatment. We conducted a survey on the use of *Strobilanthes flaccidifolius* Nees for the treatment of ethnic minorities in four districts of four mountainous northern provinces of Vietnam: Bao Lac - Cao Bang, Hoang Su Phi - Ha Giang, Nam Po - Dien Bien and Vo Nhai - Thai Nguyen. The results show that in Nam Po - Dien Bien, the percentage of people using *Strobilanthes flaccidifolius* Nees is highest (46%), lowest in Vo Nhai - Thai Nguyen (28%). The majority of people only know 01 familiar medicine that has *Strobilanthes flaccidifolius* Nees. Among ethnic groups who use *Strobilanthes flaccidifolius* Nees for treatment, Mong people use the most common (29 out of 53 Mong people interviewed), accounting for 54.72%. We collected 17 remedies containing *Strobilanthes flaccidifolius* Nees prepared by ethnic minority people in 4 study sites for the treatment of 9 disease groups.

Key words: *Strobilanthes flaccidifolius* Nees, Indigo, indirubin-3'-oxim, blood cancer

Ngày nhận bài: 13/10/2017; Ngày phản biện: 19/10/2017; Ngày duyệt đăng: 31/10/2017

^{*} Email: phohang2011@gmail.com